Số: 965/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2025-04-25T16:41:25+07:00

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2025 CỦA HUYỆN EA SÚP

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Thị trấn Ea Súp	Xã Ia Lốp	Xã Ia Jlơi	Xã Ea Rốk	Xã Ya Tờ Mốt	Xã Ia Rvê	Xã Ea Lê	Xã Cư KBang	Xã Ea Bung	Xã Cư Mlan
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+…	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
+	**Tổng diện tích**		**45,05**		**1,21**	**3,22**			**1,29**	**0,90**		**38,00**	**0,42**
1	**Nhóm đất nông nghiệp**	**NNP**	**41,23**			**3,22**						**38,00**	
1.1	Đất trồng lúa	LUA											
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC											
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK											
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	3,22			3,22							
1.3	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	38,00									38,00	
2	**Nhóm đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**3,82**		**1,21**				**1,29**	**0,90**			**0,42**
2.1	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	3,82		1,21				1,29	0,90			0,42
2.1.1	Đất công trình giao thông	DGT	1,44		0,06				0,06	0,90			0,42
2.1.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	2,38		1,15				1,23				
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT											
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC											
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD											
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA											
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL											
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV											
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH											
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV											
2.9	Đất tôn giáo	TON											
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN											
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD											
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC											
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC											
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON											
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK											